TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN TRƯỜNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:08/2022/HS-ST
Ngày: 16-02-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thế Quang;

Ông Lê Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên toà: Ông Ngô Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2022/TLST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2022 và theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2022, đối với bị cáo:

Trần Thị T, sinh ngày 31 tháng 10 năm 1982 tại X, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm B, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm nghề tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M (đã chết) và bà Trần Thị M; có chồng là Hoàng Văn H và 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt để tạm giam từ ngày 29/10/2021 đến ngày 22/12/2021 hủy bỏ tạm giam áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; tại phiên tòa bị cáo có mặt.

-*Bị hại*: Anh Trần Tiến A, sinh năm 1993; nơi cư trú: Đội 3, xóm D, xã Gi, huyện G, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1.Anh Hoàng Văn H,; vắng mặt.

2.Chị Phan Thị D,; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/8/2008, Trần Thị T và chồng là anh Hoàng Văn Hi, sinh năm 1975, đều trú tại xóm B, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định được UBND huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số AM312383 đối với thửa đất số 461, tờ bản đồ số 10, địa chỉ; xóm B, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Do có nhu cầu vay vốn kinh doanh và trả nợ nên ngày 14/8/2021, vợ chồng Tho đã làm hợp đồng thế chấp thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM312383 vay tiền của ngân hàng VPBank chi nhánh tỉnh Nam Định đến ngày 22/5/2021 chưa tất toán xong.

Do cuộc sống gia đình phát sinh mâu thuẫn và bị chồng nói không có quyền gì trong nhà nên T nảy sinh ý định thuê làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất trên nhưng mang tên một mình Tho để dọa chồng. Nhận được tin nhắn quảng cáo từ số điện thoại không xác định về việc làm giả giấy tờ các loại, T đã liên lạc, trao đổi với một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ về việc làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Người này đồng ý làm cho T với giá 5.000.000đ, đồng thời yêu cầu T chụp ảnh bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất muốn làm giả cùng ảnh chứng minh nhân dân của T gửi cho người này ứng dụng Zalo và hạn sẽ có giấy tờ về qua đường bưu phẩm. Khoảng một tuần sau, T nhận được một gói hàng với cước phí thu hộ là 5.000.000đ, bên trong là 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả, số AM864731, mang tên Trần Thị T, địa chỉ; xóm B, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định, Tho đã cất giấu giấy chứng nhận giả trên để nếu cần sẽ sử dụng.

Khoảng đầu tháng 5/2021, Phan Thị D, sinh năm 1982; trú tại; xóm B, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định (là bạn của T) đến gặp T để hỏi chỗ vay tiền. Trần Thị T đã liên hệ với Trần Tiến A, sinh năm 1993; trú tại; Đội 3, xóm , xã G, huyện G, tỉnh Nam Định để hỏi vay tiền. Ngày 22/5/2021, Trần Tiến A đến nhà T. Tại đây, Trần Thị T hỏi vay 100.000.000đ, Phan Thị D hỏi vay 200.000.000đ. Trần Tiến A đồng ý và yêu cầu phải có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp. Vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng Tho đang thế chấp tại ngân hàng VPBank, không có giấy tờ nào khác nên T đã sử dụng giấy chứng nhận giả đã làm trước đó để thế chấp vay tiền của Trần Tiến A. Do tin tưởng nên Trần Tiến A đã yêu cầu T viết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Tiến A để làm tin với nôi dụng; T bán ngôi nhà tại địa chỉ; xóm B, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định cho T với giá 300.000.000đ và giao cho Tiến A giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Khi viết xong hợp đồng, Tiến A giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Khi viết xong hợp đồng, Tiến A cho D vay 200.000.000đ với mức lãi suất 4.000đ/1triệu/ngày, cho T vay số tiền 100.000.000đ với mức lãi suất 3.000đ/1 triệu/ngày, thời hạn vay là 01 tháng. Sau đó, Trần Thị T và Phan Thị D đã trả lãi suất hàng tháng theo thỏa thuận.

Ngày 16/6/2021, Trần Tiến A mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên đến Văn phòng đăng ký đất đai huyện Xuân Trường để làm thủ tục sang tên thì bị lực lượng Công an huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định phát hiện mời về làm việc. Trần Tiến A tự giác giao nộp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM864731, mang tên Trần Thị T và khai nhận đây là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của T dùng làm tài sản thế chấp, Tiến A không biết đây là giấy chứng nhận giả. Cơ quan điều tra thu giữ của Tiến A 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị T, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị T, 01 sổ hộ khẩu mang tên Hoàng Văn H. Tại cơ quan điều tra, Trần Thị T đã khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên, Cơ quan điều tra đã thu giữ của Tho 01 điện thoại di động Nokia màu xanh, 01 điện thoại di động SamSung Galaxy As21.

Ngày 20/7/2021, Cơ quan điều tra đã ra quyết định trưng cầu giám định đối với giấy chứng nhận quyền sử đụng đất số AM864731, mang tên Trần Thị T. Theo kết luận giám định số 1006/GĐKTHS ngày 30/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Nam Định kết luận; Tài liệu cần giám định là giả, chữ ký đứng tên Phó Chủ tịch Vũ Tuấn D trên tài liệu cần giám định so với chữ ký của đồng chí Vũ Tuấn D-Phó Chủ tịch thường trực UBND huyện Xuân Trường trên tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra; hình dấu "UBND HUYỆN XUÂN TRƯỜNG T. NAM ĐỊNH" trên tài liệu cần giám định so với hình dấu có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Ngày 27/10/2021, Cơ quan điều tra khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh bắt bị can Trần Thị Tho để tạm giam về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Tiến hành khám xét nơi ở của Trần Thị T nhưng không thu giữ được tài liệu, vật chứng gì.

Cáo trạng số 03/CT-VKSHXT ngày 10/01/2022 của VKSND huyện Xuân Trường truy tố bị cáo Trần Thị T về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu đánh giá về hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 341; các điểm i, s khoản 1 Điều 51và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thị T phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Trần Thị T từ 09-12 tháng tù cho hưởng án treo. Thơi gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo khó khăn đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 02 chiếc điện thoại di động của bị cáo Tho; Trả lại cho bị cáo 01 chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị T và 01 sổ hộ khẩu của gia đình mang tên Hoàng Văn H.

Bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng bị cáo thừa nhận hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật, hứa sửa chữa lỗi lầm và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận địnhnhư sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Xuân Trường, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều không có khiếu nại gì. Như vậy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về việc kết tội: Lời khai nhận tội của bi cáo tại phiên tòa đều phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ được. Từ đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 8/2020, Trần Thị T thuê người làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số AM864731, mang tên Trần Thị T, địa chỉ; xóm B, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Do cần tiên tiêu nên ngày 22/5/2021, tại nhà của mình ở xóm B, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Trần Thị T đã có hành vi sử dụng giấy chứng nhận giả nêu trên làm tài sản thế chấp để vay tiền Trần Tiến A. Vì vậy, hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Cũng như Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường truy tố bị cáo theo tội danh, điều luật như trên là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo T sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến khách thể được Nhà nước bảo vệ là hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính cơ quan Nhà nước về tài liệu; hành vi của bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được việc làm của mình, bị cáo biết rõ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đó là giả nhưng để được vay tiền của Trần Tiến A và đảm bảo khoản vay nên bị cáo đã thế chấp giấy chứng nhận này và Trần Tiến A đã tin tưởng. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật thì mới có tác dụng răn đe đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo; bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách là đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 341 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo như Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[7] Xử lý vật chứng và tài sản thu giữ: 02 chiếc điện thoại di động đã thu giữ của bị cáo là công cụ phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 chứng minh nhân dân mang Trần Thị T và 01 sổ hộ khẩu của gia đình mang tên Hoàng Văn H không liên quan đến việc phạm tội nên HĐXX sẽ trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[8] Đối với người đàn ông làm giấy chứng nhận giả cho Trần Thị T, T khai không quen biết, không rõ tên tuổi, địa chỉ ở đâu ngoài ra không còn nguồn tài liệu chứng cư nào khác nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý là phù hợp.

[9] Đối với Phan Thị D có hành vi cùng Trần Thị T vay tiền của Trần Tiến A do không có tài liệu, căn cứ gì chứng minh D biết T sử dụng giấy chứng nhận giả để thế chấp vay tiền nên Cơ quan điều tra nhắn nhở rút kinh nghiệm là phù hợp.

[10] Đối với hành vi cho vay lãi nặng của Trần Tiến A, ngày 25/6/2021, Cơ quan điều tra đã khởi tó vụ án, khởi tố bị can với Trần Tiến A về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Ngày 21/12/2021, Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường đã xử phạt Trần Tiến A 27 tháng cải tạo không giam giữ.

[11] Án phí: Bị cáo Trần Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 341, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều

65 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Thị T phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án (16/02/2022) (bị cáo bị tạm giam từ ngày 29/10/2021 đến ngày 22/12/2021 hủy bỏ tạm giam áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú).

Giao bị cáo Trần Thị T cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp bị cáo Trần Thị T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu 02 chiếc điện thoại di động của bị cáo sung ngân sách Nhà nước.

Trả lại cho bị cáo 01 chứng minh nhân dân mang Trần Thị T và 01 sổ hộ khẩu của gia đình mang tên Hoàng Văn H (Tại phiên tòa HĐXX đã lại cho bị cáo T những giấy tờ này).

Chi tiết vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 30/THA ngày 15/02/2022 giữa Công an huyện Xuân Trường và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường).

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Trần Thị T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kết từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

- Công an huyện X;
- UBND xã ;
- Bị cáo;
- Bị hại
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

Phạm Ngọc Long